

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG
Về thuế xuất, thuế nhập khẩu tiểu ngạch biên giới

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Để thực hiện Điều 5 và Điều 15 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 12 năm 1991;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế:

- Hàng hoá được phép xuất, nhập khẩu tiểu ngạch biên giới theo đúng quy định khi xuất khẩu, nhập khẩu qua cửa khẩu, biên giới đều là đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tiểu ngạch theo quy định tại quyết định này.
- Tất cả các đối tượng có hàng hoá xuất, nhập khẩu tiểu ngạch như tại điểm 1 điều này đều là đối tượng nộp thuế theo quy định tại quyết định này.

Điều 2. Thuế suất đối với hàng hoá xuất nhập khẩu tiểu ngạch biên giới được quy định như sau:

- Các mặt hàng xuất, nhập khẩu tiểu ngạch có trong danh mục biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (chính ngạch) thì áp dụng thuế suất trong biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định kèm theo Nghị định 110/HĐBT ngày 31 tháng 3 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng. Riêng các mặt hàng xuất, nhập khẩu tiểu ngạch có trong danh mục biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu (chính ngạch) có thuế suất dưới 5% thì áp dụng thống nhất 5%.

2. Các mặt hàng xuất, nhập khẩu tiểu ngạch không có trong danh mục Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (chính ngạch) kèm theo Nghị định số 110/HĐBT thì áp dụng thống nhất 5%.

Điều 3. Giá tính thuế:

1. Giá tính thuế hàng xuất khẩu, hàng nhập khẩu là giá bán, giá mua mặt hàng đó tại cửa khẩu ghi trong hợp đồng. Trường hợp giá ghi trong hợp đồng thấp hơn giá tối thiểu do Bộ Tài chính quy định, thì giá tính thuế là giá tối thiểu do Bộ Tài chính quy định.

2. Những mặt hàng không có trong bảng giá tối thiểu do Bộ Tài chính quy định thì Ủy ban nhân dân các tỉnh biên giới căn cứ vào nguyên tắc xác định giá tính thuế tại điểm 1 điều này, quy định giá tính thuế những mặt hàng đó áp dụng tại địa phương phù hợp với giá thực tế tại cửa khẩu. Trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh biên giới ban hành giá tính thuế những mặt hàng đó, thông báo cho Bộ tài chính biết. Tỷ giá giữa đồng Việt Nam và tiền nước ngoài do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố.

Điều 4. Căn cứ tính thuế:

Số lượng từng mặt hàng thực tế xuất khẩu, nhập khẩu tiểu ngạch biên giới của các đối tượng nộp thuế.

Giá tính thuế quy định tại Điều 3 Quyết định này.

Thuế suất của mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu tiểu ngạch biên giới quy định tại Điều 2 quyết định này.

Điều 5. Thời hạn nộp thuế:

Thuế xuất khẩu hàng hoá tiểu ngạch biên giới phải nộp trước khi xuất khẩu hàng hoá qua biên giới, thuế nhập khẩu hàng hoá tiểu ngạch biên giới phải nộp trước khi đưa hàng hoá vào thị trường trong nước.

Điều 6. Xử lý vi phạm:

a) Đối tượng nộp thuế có hành vi gian lận trong việc nộp thuế thì bị phạt từ 2 đến 5 lần số thuế gian lận, nếu trốn thuế với số lượng lớn hoặc đã bị phạt hành chính từ 3 lần số thuế gian lận trở lên mà vẫn tiếp tục trốn thuế với số lượng lớn hoặc phạm tội trong các trường hợp nghiêm trọng khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điều 169 của Bộ luật hình sự.